TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc

Bản án số: 163/2022/ HNGĐ-ST
Ngày 21 - 12 - 2022
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Công Bằng.

-*Các hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Văn Trước.

2. Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

-Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 499/2022/ TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022, về việc " Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01/12/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Khắc Nh, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện H, tỉnh L.

Bị đơn: Chị Trương Thị Thúy N, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh Trần Khắc N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua quen biết anh và chị N tiến đến hôn nhân vào năm

1995, đăng ký kết hôn vào ngày 06/9/1995 tại Ủy ban nhân dân xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 7/ 2021 vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ anh gây nợ nần, có lần anh bắt gặp vợ anh ngoại tình với người khác, kể từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau, tình cảm không còn. Anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần Ngọc M, sinh năm: 1996, con chung đã trưởng thành anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

-*Bị đơn chị Trương Thị Thúy N*: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-*Ý kiến của anh N tại phiên tòa*: Anh vẫn giữ yêu cầu ly hôn với chị N. Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị Trương Thị Thúy N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị N tiến đến hôn nhân vào năm 1995, có đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân xã Long Phước cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 06 tháng 9 năm 1995. Do đó hôn nhân của anh N và chị N là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Anh N trình bày trong thời gian chung sống, đến khoảng tháng 7/2021 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn nhưng không giải quyết được, do đó anh chị đã sống ly thân, thời gian dài anh chị không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, tại phiên tòa anh không có nguyện vọng được đoàn tụ cùng chị N. Về phía bị đơn đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng trong suốt thời gian giải quyết vụ án chị N không tham gia và không có ý kiến phản hồi về nguyện vọng được đoàn tụ cùng anh N. Xét thấy hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, mục đích hôn nhân là đem lại hạnh phúc cho nhau, cùng nhau chung sống, quan tâm chăm sóc cho gia đình, nhưng hôn nhân của anh chị không mang lại điều đó. Việc anh N yêu cầu ly hôn với chị N là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Con chung của anh N và chị N đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, anh N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Khắc N được ly hôn với chị Trương Thị Thúy N.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai số 0004296 ngày 03 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

5. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

-TAND Tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Long Hồ;
-CC THADS huyện Long Hồ;
-UBND xã P, Long Hồ, Vĩnh Long;
-Các đương sự trong vụ án;
-Lưu hồ sơ vụ án. /.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Bằng